

Bản án số: **91/2026/HS-ST**
Ngày: 14 - 8 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quan Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Công.

Ông Nguyễn Vạn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Phát Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2026/TLST-HS, ngày 26 tháng 6 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2026/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 7 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. **Phan Hữu D**, sinh năm 1983, Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: **Tổ A, ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp**; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông **Phan Văn N** và bà **Lê Thị T**; Vợ: Không; Tiền án: Ngày 29/9/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù 23/9/2024; Tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 20/3/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/4/2017; Tạm giữ: Từ ngày 05/10/2025 đến ngày 14/10/2025; Tạm giam: Từ ngày 14/10/2025 đến nay; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm **giam L, tỉnh Đồng Tháp**.

2. **Nguyễn Thanh N1**, sinh năm 1995, Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: **Số H, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 03/12; Con ông **Nguyễn Văn H** (Chết) và bà **Đoàn Thị T1** (Chết); Vợ **Nguyễn Mỹ N2**; có 01 người con sinh năm 2024; Tiền án: Ngày 23/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt 02 năm 03 tháng tù, chấp hành xong

hình phạt tù ngày 20/3/2022, chưa thực hiện xong nghĩa vụ dân sự; Tiền sự: Không có; Nhân thân: Ngày 07/4/2011, bị Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng 02 năm; chấp hành xong ngày 13/4/2013; Ngày 14/3/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 19/02/2017; Ngày 08/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích; Tạm giữ: Từ ngày 01/3/2026 đến ngày 07/3/2026; Tạm giam: Từ ngày 07/3/2026 đến nay; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam L, tỉnh Đồng Tháp.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. **Phan Thanh T2**, sinh năm 1976; Nơi cư trú: **Số D, ấp Đ, xã P, tỉnh Đồng Tháp**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
2. **Lê Thị C**, sinh năm 1974; Nơi cư trú: **Ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
3. **Võ Ngọc G**, sinh năm 2003; Nơi cư trú: **B, xã L, tỉnh Đồng Tháp**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
4. **Võ Văn C1**, sinh năm 2011; Nơi cư trú: **B, xã L, tỉnh Đồng Tháp**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của **Võ Văn C1**: Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1974; Nơi cư trú: **Ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp** là người đại diện theo pháp luật của **Võ Văn C1**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

5. **Cao Thanh Đ**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: **B, xã L, tỉnh Đồng Tháp**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
6. **Đặng Hoài N3**, sinh năm 2001; Nơi cư trú: **Số G, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Lâm Minh H1**, sinh năm 1973; Nơi cư trú: **Số D, ấp Đ, xã P, tỉnh Đồng Tháp**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
2. **Lê Thị T**, sinh năm 1961; Nơi cư trú: **Tổ A, ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp**. (Có mặt tại phiên tòa)
3. **Tổng Thị T3**, sinh năm 1976; Nơi cư trú: **Số G, ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
4. **Nguyễn Ngọc T4**, sinh năm 2004; Nơi cư trú: **Số D, ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp**. (Vắng mặt tại phiên tòa)
5. **Nguyễn Vũ P**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: **247A, ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

6. **Nguyễn Văn T5**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: **Số A, ấp V, xã V, tỉnh An Giang**. (Vắng mặt tại phiên tòa)

7. **Nguyễn Đức T6**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Khu vực **T, phường T, thành phố Cần Thơ**. (Vắng mặt tại phiên tòa)

8. **Vày Say S**, sinh năm 1974; Nơi cư trú: **Ấp L, xã C, thành phố Đ**. (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng:

1. **Lê Ngọc D1**, sinh năm 1999; Nơi cư trú: **Số G, ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp**. (Vắng mặt tại phiên tòa)

2. **Lê Phúc H2**, sinh năm 1995; Nơi cư trú: **Ấp Đ, xã P, tỉnh Đồng Tháp**. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3. **Nguyễn Văn Đ1**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: **Ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp**. (Vắng mặt tại phiên tòa)

4. **Nguyễn Mỹ N2**, sinh năm 2003; Nơi cư trú: **Ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp**. (Có mặt tại phiên tòa)

5. **Nguyễn Việt Y**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: **Ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp**. (Có mặt tại phiên tòa)

6. **Đỗ Thị L**, sinh năm 1987; Nơi cư trú: **Ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp**. (Vắng mặt tại phiên tòa)

7. **Lê Văn L1**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: **Ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp**. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 03/10/2025, **Phan Hữu D** điện thoại rủ **Nguyễn Thanh N1** đi tìm tài sản lấy trộm, **N1** đồng ý. Đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 04/10/2025, **D** điều khiển xe mô tô biển số 66N7-6769 đến rước **N1**. Trước khi đi, **D** tháo biển số 66N7-6769 ra và thay biển số khác, rồi chở **N1** đến địa bàn **xã P, tỉnh Đồng Tháp** tìm tài sản lấy trộm.

Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 04/10/2025, tại cửa hàng sắt thép “**P**” thuộc **ấp Đ, xã P, tỉnh Đồng Tháp**, **D** phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future Fi, màu nâu vàng, biển số 66L1-301.33 của bà **Phan Thanh Thủy Đ2** trong sân, không khóa cổ và không có người trông coi. **D** để **N1** ngồi trên xe mô tô bên ngoài cánh giới, rồi đi bộ vào trong sân lấy xe dắt ra ngoài, dùng vít tự chế và chìa khóa mang theo mở khóa điều khiển xe rời khỏi hiện trường, còn **N1** điều khiển xe mô tô chạy theo phía sau.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, **Phan Hữu D** điều khiển xe mô tô biển số 66L1-301.33 đến gửi tại bãi giữ xe **Trung tâm Y tế K**, thuộc **ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp**

cất giấu để tìm nơi tiêu thụ. Sau đó, Nguyễn Thanh N1 đến rước D về. Trên đường về, D tháo bỏ biển số (không nhớ vị trí) và gắn lại biển số 66N7-6769 vào xe mô tô. Đến ngày 05/10/2025, D tìm được người mua và dẫn đến Trung tâm Y tế K để giao xe. D vào bãi giữ xe lấy xe mô tô biển số 66L1-301.33 ra tới cổng bảo vệ thì bị Cơ quan Công an bắt giữ cùng tang vật.

Đến ngày 11/11/2025, Nguyễn Thanh N1 đến Công an xã P đầu thú. Trong khoảng thời gian bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử, N1 tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 18/02/2026, Nam đến phòng trọ của Đỗ Thị L tại nhà trọ P1 thuộc ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp và nhờ L điều khiển xe mô tô biển số 67B2-227.66 chở đi công việc, hứa sẽ trả tiền công, L đồng ý. Khi đi đến khu vực số nhà F, ấp B, xã L, N phát hiện xe mô tô biển số 66VA-198.60, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu xám của anh Đặng Hoài N3 đang đậu phía trước nhà anh Nguyễn Việt Y, chìa khóa vẫn còn để trên xe và không có người trông coi. Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, N3 yêu cầu L dừng xe rồi một mình quay lại. Do nghĩ N3 đi vệ sinh nên L đứng chờ (L không biết việc N3 thực hiện hành vi phạm tội). N3 đi đến vị trí chiếc xe, mở khóa, khởi động rồi điều khiển xe mô tô biển số 66VA-198.60 nhanh chóng tẩu thoát khỏi hiện trường.

Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô, N3 biết Lê Ngọc T7 có nghề mua bán xe mô tô cũ nên liên hệ hẹn gặp tại khu vực Trường Tiểu học B1, xã L để bán tài sản. Tại đây, N3 giao xe cùng giấy đăng ký xe và nói đây là xe của người anh nhờ bán. Tin tưởng lời N3, T7 đồng ý mua với giá 10.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, N3 sử dụng toàn bộ số tiền trên vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Sau khi mua được xe, Lê Ngọc T7 tiếp tục bán lại cho Nguyễn Vũ P với giá 12.500.000 đồng. Tiếp đó, P bán lại cho Nguyễn Văn T5, với giá 16.800.000 đồng. Sau đó T5 tiếp tục bán chiếc xe trên cho một người đi đường không rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản. Quá trình điều tra xác định T7, P và T5 đều làm nghề mua bán xe cũ và không biết đây là tài sản do phạm tội mà có.

Đến khoảng 05 giờ ngày 28/02/2026, Nguyễn Thanh N1 đi bộ từ nhà đến nhà bà Lê Thị C thuộc ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Thấy cửa nhà không khóa, N1 đi vào bên trong đến phòng ngủ và phát hiện 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max màu xám của anh Võ Ngọc G, 01 điện thoại Iphone 11 màu trắng của anh Võ Văn C1 và 01 điện thoại Oppo màu đen của bà Lê Thị C đang sạc pin trong phòng. N1 lén lút lấy cả ba điện thoại cất giấu trong người rồi đi ra ngoài.

Khi N1 vừa đi ra phía trước nhà thì bị bà Lê Thị C phát hiện nên N1 bỏ chạy ra Quốc lộ E. Trên đường tẩu thoát, khi đến trước nhà anh Cao Thanh Đ thuộc ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp, N1 phát hiện xe mô tô biển số 60S2-9617, nhãn hiệu Attila, màu trắng của anh Đ đang đậu phía trước nhà, chìa khóa còn để trên xe và không có người trông coi, nên N1 lấy xe khởi động máy rồi khỏi hiện trường. Sau

đó, N1 điều khiển xe đến nhà anh Nguyễn Đức T6 nhờ cất giữ giữ, đồng thời cho anh T6 sử dụng chiếc điện thoại Iphone 11 Pro Max vừa chiếm đoạt được.

Đến ngày 28/02/2026, Nguyễn Thanh N1 đến Công an xã L đầu thú, giao nộp tài sản chiếm đoạt và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm:

- Thu giữ của Phan Hữu D: 01 (một) xe mô tô biển số 66L1-301.33, nhãn hiệu Honda, số loại Future Fi, màu nâu vàng; 01 chìa khóa xe; 01 phiếu giữ xe; 01 (một) xe mô tô biển số 66N7-6769, nhãn hiệu YAMAHA, số loại MIO, màu trắng nâu, dung tích xi lanh 113 cm³; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu OPPO A5S, vỏ màu xanh (D dùng để liên lạc và rao bán tài sản); 01 (một) nón bảo hiểm màu xám; 01 (một) áo sơ mi dài tay sọc ca rô đỏ – vàng – xanh; 01 (một) quần jean lửng màu xanh; 01 (một) đôi dép da màu đen.

- Thu giữ tại nơi ở của Phan Hữu D: 01 (một) nón kết màu đen; 01 (một) bình xịt hơi cay hình trụ tròn, màu đen – cam; 01 (một) áo khoác màu trắng; 01 (một) túi đeo chéo màu nâu; 01 (một) khẩu trang vải sọc ca rô đen – trắng.

- Thu giữ của Nguyễn Thanh N1: 01 (một) điện thoại di động Iphone 11, màu trắng, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động Oppo, màu đen, đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Nguyễn Đức T6: 01 (một) điện thoại di động Iphone 11 Promax, màu xám, đã qua sử dụng và 01 (một) xe mô tô biển số 60S2-9617, nhãn hiệu Attila, màu trắng, dung tích 125 cm³, đã qua sử dụng.

- Ngoài ra, Cơ quan điều tra thu giữ 03 đĩa DVD ghi nhận diễn biến hành vi trộm cắp tài sản của các bị can và quá trình cất giấu tài sản sau khi chiếm đoạt tài sản tại cửa hàng S2, bãi giữ xe Trung tâm Y tế K, nhà anh Nguyễn Việt Y và anh Cao Thanh Đ.

Tại kết luận định giá tài sản số: 01 ngày 06/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự xã P: Xe mô tô biển số 66L1-301.33 tại thời điểm định giá 13.833.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 06 ngày 19 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự Ủy ban nhân dân xã L kết luận: 01 xe mô tô biển số 66VA – 198.60, trị giá 14.166.666 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 03 ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự Ủy ban nhân dân xã L kết luận: 01 (một) xe mô tô, biển số 60S2-9617, nhãn hiệu Attila, màu trắng, dung tích 125cm³, đăng ký ngày 05/8/2004 tại Công an tỉnh Đ, đã qua sử dụng tại thời điểm định giá ngày 05/3/2026 giá trị 1.166.666 đồng; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu xám, đã qua sử dụng tại thời điểm định giá ngày 05/3/2026 giá trị 7.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng, đã qua sử dụng tại thời điểm định giá ngày 05/3/2026 giá trị 4.066.666 đồng; 01 (một)

điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo, màu đen, đã qua sử dụng tại thời điểm định giá ngày 05/3/2026 giá trị 1.133.333 đồng.

- Kết quả điều tra, xác minh về tài sản, vật chứng như sau:

Đối với xe mô tô biển số 66L1-301.33 do bà Phan Thanh T2 (vợ ông Lâm Minh H1) đứng tên chủ sở hữu. Quá trình điều tra, bà T2 và ông H1 yêu cầu các bị cáo Phan Hữu D và Nguyễn Thanh N1 bồi thường 1.200.000 đồng chi phí sửa chữa ổ khóa xe. Ngày 19/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho chủ sở hữu. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà T2 và ông H1 xác định không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền nêu trên.

Đối với xe mô tô biển số 66N7-6769 do bà Lê Thị T (mẹ của bị cáo D) đứng tên chủ sở hữu, là phương tiện bị cáo Phan Hữu D sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định bà T không biết việc D sử dụng xe vào việc phạm tội và yêu cầu được nhận lại xe.

Đối với xe mô tô biển số 66VA-198.60, bà Tống Thị T3 là người đứng tên đăng ký xe; anh Đặng Hoài N3 là chủ sở hữu thực tế và nhờ bà T3 đứng tên đăng ký. Do xe bị Nguyễn Thanh N1 bán và đến nay không thu hồi được, anh Đặng Hoài N3 yêu cầu bị cáo Nguyễn Thanh N1 bồi thường giá trị xe theo kết luận định giá là 14.166.666 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 60S2-9617, nhãn hiệu Attila, do ông Vầy S1 Sáng đứng tên đăng ký. Kết quả xác minh xác định ông S đã chuyển nhượng xe cho người khác nhưng chưa làm thủ tục sang tên; anh Cao Thanh Đ là người nhận chuyển nhượng sau cùng, trực tiếp quản lý, sử dụng xe trong nhiều năm. Qua xác minh, xe không thuộc diện bị trình báo mất trộm và không liên quan đến vụ án, vụ việc khác. Sau khi xác minh nguồn gốc tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả xe cho anh Cao Thanh Đ.

Đối với 01 điện thoại iPhone 11 Pro Max màu xám, 01 điện thoại iPhone 11 màu trắng và 01 điện thoại Oppo màu đen bị Nguyễn Thanh N1 chiếm đoạt, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác định chủ sở hữu nên đã tiến hành trả các tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp.

Tại Cáo trạng số 36/CT-VKSKV7 ngày 23/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp đã truy tố các bị cáo Phan Hữu D và Nguyễn Thanh N1 ra trước Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Phan Hữu D và Nguyễn Thanh N1 thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và xác định: Ngày 04/10/2025,

tại ấp Đ, xã P, tỉnh Đồng Tháp, Phan Hữu D và Nguyễn Thanh N1 đã lên lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 66L1-301.33 của bà Phan Thanh T2, trị giá 13.833.000 đồng, nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong đó, D là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt; Nam tham gia cảnh giới, giúp sức cho Duy thực H3 hành vi phạm tội.

Ngoài ra, vào các ngày 18/02/2026 và 28/02/2026, tại xã L, tỉnh Đồng Tháp, Nguyễn Thanh N1 tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp: Xe mô tô biển số 66VA-198.60 của anh Đặng Hoài N3, trị giá 14.166.666 đồng; xe mô tô biển số 60S2-9617 của anh Cao Thanh Đ; điện thoại iPhone 11 Pro Max của anh Võ Ngọc G; điện thoại iPhone 11 của anh Võ Văn C1 và điện thoại Oppo của bà Lê Thị C, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt trong lần phạm tội ngày 28/02/2026 là 13.366.665 đồng. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Thanh N1 phải chịu trách nhiệm hình sự trong 03 lần phạm tội là 41.366.331 đồng.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Trong lần phạm tội ngày 04/10/2025, Phan Hữu D giữ vai trò khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; Nguyễn Thanh N1 giữ vai trò giúp sức, cảnh giới để Duy thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trái pháp luật quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phan Hữu D và Nguyễn Thanh N1 đều có tiền án chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên thuộc trường hợp “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Thanh N1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 03 lần nên còn phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phan Hữu D phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại do tài sản đã được thu hồi; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông ngoại là liệt sĩ Lê Xuân B, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thanh N1 quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đầu thú, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phan Hữu D phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo Phan Hữu D từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo

Nguyễn Thanh N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh N1** từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bà **Phan Thanh T2** và ông **Lâm Minh H1** không yêu cầu các bị cáo bồi thường 1.200.000 đồng chi phí sửa chữa ổ khóa xe, nên không xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô biển số 66VA-198.60 không thu hồi được, anh **Đặng Hoài N3** là chủ sở hữu thực tế, yêu cầu bị cáo **Nguyễn Thanh N1** bồi thường theo giá trị định giá là 14.166.666 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo **Nguyễn Thanh N1** bồi thường cho anh **Đặng Hoài N3** số tiền 14.166.666 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Toà án nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp:

+ Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu OPPO A5S, vỏ màu xanh là phương tiện dùng vào việc phạm tội:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 chìa khóa xe; 01 phiếu giữ xe; 01 (một) nón bảo hiểm màu xám; 01 (một) áo sơ mi dài tay sọc ca rô đỏ – vàng – xanh; 01 (một) quần jean lưng màu xanh; 01 (một) đôi dép da màu đen; 01 (một) nón kết màu đen; 01 (một) túi đeo chéo màu nâu; 01 (một) áo khoác màu trắng; 01 (một) khẩu trang vải sọc ca rô đen – trắng, do không còn giá trị sử dụng.

+ Trả lại cho bà **Lê Thị T** 01 (một) xe mô tô biển số 66N7-6769, nhãn hiệu YAMAHA, số loại MIO, màu trắng nâu, dung tích xi lanh 113 cm³.

+ Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD bên trong chứa dữ liệu camera ghi lại hình ảnh liên quan đến vụ án.

(Hiện các vật chứng và tài sản nêu trên do Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Đồng Tháp đang quản lý).

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 03 đĩa DVD có ghi lại diễn biến liên quan đến vụ án.

Đối với hành vi tàng trữ bình xịt hơi cay của bị cáo **Phan Hữu D**, kết luận giám định xác định đây là công cụ hỗ trợ. Do bị cáo chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về hành vi liên quan đến vũ khí, công cụ hỗ trợ nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ” theo Điều 306 Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ và tang vật đến **Công an xã L**, tỉnh Đồng Tháp để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo

quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng và tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Các bị hại Phan Thanh T2, Lê Thị C, Võ Ngọc G, Võ Văn C1, Cao Thanh Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Minh H1, Tống Thị T3, Nguyễn Vũ P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Ngọc T7, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Đức T6, Vày S1 Sắng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, thể hiện đầy đủ ý kiến về các vấn đề có liên quan đến vụ án; việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 04/10/2025, tại cửa hàng S2 "P", thuộc ấp Đ, xã P, tỉnh Đồng Tháp, Phan Hữu D và Nguyễn Thanh N1 đã cùng nhau lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 66L1-301.33 của bà Phan Thanh T2, trị giá 13.833.000 đồng, nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài. Đây là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó D là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp chiếm đoạt tài sản; Nam biết rõ mục đích phạm tội, đồng ý tham gia và thực hiện việc cảnh giới, giúp sức cho D.

Sau khi đầu thú về hành vi nêu trên và đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, Nguyễn Thanh N1 vẫn tiếp tục thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản. Cụ thể, ngày 18/02/2026, N1 chiếm đoạt xe mô tô biển số 66VA-198.60 của anh Đặng Hoài N3, trị giá 14.166.666 đồng; ngày 28/02/2026, N3 tiếp tục chiếm đoạt xe mô tô biển số 60S2-9617 của anh Cao Thanh Đ cùng 03 điện thoại di động của anh Võ Ngọc G, anh Võ Văn C1 và bà Lê Thị C, tổng trị giá 13.366.665 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản Nguyễn Thanh N1 phải chịu trách nhiệm hình sự trong 03 lần phạm tội là 41.366.331 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở xác định lời khai nhận tội của các bị cáo là khách quan, phù hợp với diễn biến vụ án.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, có đủ căn cứ kết luận Phan Hữu D và Nguyễn Thanh N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo **Phan Hữu D** và **Nguyễn Thanh N1** là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã từng bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, sửa chữa mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo **Phan Hữu D**, mặc dù đã từng bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng vẫn tiếp tục phạm tội cùng loại. Trong vụ án này, **D** là người khởi xướng, rủ rê **N1** cùng đi tìm tài sản để chiếm đoạt; có sự chuẩn bị phương tiện, thay biển số xe nhằm tránh bị phát hiện và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô trị giá 13.833.000 đồng, sau đó tìm cách tiêu thụ. Hành vi thể hiện ý thức coi thường pháp luật và quyết tâm thực hiện tội phạm.

Đối với bị cáo **Nguyễn Thanh N1**, mức độ nguy hiểm của hành vi cao hơn. Bị cáo đã từng bị kết án về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Cố ý gây thương tích”, nhưng sau khi tiếp tục phạm tội ngày 04/10/2025, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, **N** vẫn không tu dưỡng mà tiếp tục thực hiện thêm 02 lần trộm cắp tài sản vào các ngày 18/02/2026 và 28/02/2026. Tổng giá trị tài sản **N1** phải chịu trách nhiệm hình sự trong 03 lần phạm tội là 41.366.331 đồng. Việc liên tiếp thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém, xem thường pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định; trong đó, mức hình phạt đối với **Nguyễn Thanh N1** phải nghiêm khắc hơn **Phan Hữu D**, nhằm giáo dục các bị cáo ý thức tuân thủ pháp luật, đồng thời bảo đảm tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Đối với hành vi phạm tội ngày 04/10/2025, đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ. Trong đó, bị cáo **Phan Hữu D** giữ vai trò chính, là người khởi xướng, rủ rê **N1** đi tìm tài sản để trộm cắp, chuẩn bị phương tiện và trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 66L1-301.33 trị giá 13.833.000 đồng, sau đó cất giấu và tìm nơi tiêu thụ. Do đó, **D** phải chịu trách nhiệm chính đối với lần phạm tội này.

Bị cáo **Nguyễn Thanh N1** biết rõ mục đích phạm tội của **D** nhưng vẫn đồng ý tham gia, thực hiện việc cảnh giới, tạo điều kiện để **D** chiếm đoạt tài sản, nên giữ vai trò đồng phạm giúp sức. Ngoài lần phạm tội cùng **D**, **N1** còn độc lập thực hiện thêm 02 lần trộm cắp tài sản vào các ngày 18/02/2026 và 28/02/2026. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần phân hóa trách nhiệm hình sự, xem xét đầy đủ vai trò,

mức độ tham gia và hành vi phạm tội của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo **Phan Hữu D** và **Nguyễn Thanh N1** đều có tiền án chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội do cố ý, nên cùng phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo **Nguyễn Thanh N1** thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 03 lần nên còn phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo **Phan Hữu D** và **Nguyễn Thanh N1** đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo **D**, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu nên thuộc trường hợp “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đồng thời bị cáo có ông ngoại là liệt sĩ **Lê Xuân B** nên được xem xét giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo **N1**, sau khi phạm tội đã đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn; đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về lời khai của những người tham gia tố tụng: Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra. Các lời khai này phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có căn cứ xem xét khi giải quyết vụ án.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với 01 điện thoại di động OPPO A5S, vỏ màu xanh, IMEI 1: 865222048601235, IMEI 2: 865222048601227, gắn các số thuê bao 0346085909 và 0586041277, là phương tiện bị cáo **Phan Hữu D** sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chìa khóa xe có chữ HONDA; 01 phiếu giữ xe số 646234 của **Công ty TNHH MTV D2**, ngày 04/10, số xe 30133; 01 nón bảo hiểm màu xám có chữ “m&m”; 01 áo sơ mi dài tay sọc ca rô đỏ – vàng – xanh có chữ “BIG MAC”; 01 quần jean lưng màu xanh có chữ “HUBA-JEANS”; 01 đôi dép da màu đen có chữ “aerosoft”; 01 nón kết màu đen có chữ “TRUE RELIGION”; 01 túi đeo chéo

màu nâu có chữ “MC”; 01 áo khoác màu trắng có chữ “XL” trên cổ áo, tay phải màu xanh, tay trái màu đỏ và 01 khẩu trang vải sọc ca rô đen – trắng của bị cáo **Phan Hữu D**, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô biển số 66N7-6769, nhãn hiệu Yamaha, số loại Mio, màu trắng nâu, số máy 23C1018535, số khung RLCM23C10AY018535, dung tích xi lanh 113 cm³, do bà **Lê Thị T** đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo **D** sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nhưng bà **T** không biết việc này và có yêu cầu nhận lại tài sản, nên trả lại xe cho bà **Lê Thị T**.

Các vật chứng, tài sản nêu trên hiện do Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Đồng Tháp quản lý.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 03 đĩa DVD có ghi lại diễn biến liên quan đến vụ án.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại **Phan Thanh T2** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Lâm Minh H1** yêu cầu các bị cáo **Phan Hữu D** và **Nguyễn Thanh N1** bồi thường 1.200.000 đồng chi phí sửa chữa ổ khóa xe. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà **T2** và ông **H1** tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường khoản tiền này. Xét đây là sự tự nguyện của bà **T2** và ông **H1**, không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với xe mô tô biển số 66VA-198.60, bà **Tổng Thị T3** là người đứng tên đăng ký xe, còn anh **Đặng Hoài N3** là chủ sở hữu thực tế và nhờ bà **T3** đứng tên. Do xe bị chiếm đoạt không thu hồi được, anh **Đặng Hoài N3** yêu cầu bị cáo **Nguyễn Thanh N1** bồi thường giá trị xe theo kết luận định giá là 14.166.666 đồng. Bị cáo **Nguyễn Thanh N1** tự nguyện đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền trên. Xét sự tự nguyện của bị cáo phù hợp với yêu cầu của anh **Đặng Hoài N3** và không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo **Nguyễn Thanh N1** bồi thường cho anh **Đặng Hoài N3** số tiền 14.166.666 đồng.

[10] Đối với các hành vi và những người có liên quan:

Đối với hành vi tàng trữ bình xịt hơi cay của bị cáo **Phan Hữu D**, kết luận giám định xác định đây là công cụ hỗ trợ. Do bị cáo chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về hành vi liên quan đến vũ khí, công cụ hỗ trợ nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại Điều 306 Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ và tang vật đến **Công an xã L**, tỉnh Đồng Tháp để xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Viện kiểm sát không truy tố đối với hành vi này, xét việc xử lý là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với **Đỗ Thị L**, kết quả điều tra xác định **L** không biết, không bàn bạc và không tham gia vào hành vi trộm cắp tài sản của **Nguyễn Thanh N1**, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với **Nguyễn Đức T6**, mặc dù có giữ xe mô tô biển số 60S2-9617 và sử dụng điện thoại iPhone 11 Pro Max do **Nguyễn Thanh N1** giao, cho nhưng **T6** không biết đây là tài sản do **N1** phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với **Lê Ngọc T7**, **Nguyễn Vũ P** và **Nguyễn Văn T5**, mặc dù có tham gia mua bán xe mô tô biển số 66VA-198.60 nhưng không biết đây là tài sản do **Nguyễn Thanh N1** phạm tội mà có, nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với những người này là có căn cứ.

[11] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Các bị cáo **Phan Hữu D** và **Nguyễn Thanh N1** bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Phan Hữu D** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Phan Hữu D** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2025.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh N1** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh N1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/3/2026.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo **Phan Hữu D** và **Nguyễn Thanh N1**.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự;

Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Phan Thanh T2** và ông **Lâm Minh H1** không yêu cầu các bị cáo **Phan Hữu D** và **Nguyễn Thanh N1** bồi thường số tiền 1.200.000 đồng chi phí sửa chữa ổ khóa xe mô tô biển số 66L1-301.33.

Buộc bị cáo **Nguyễn Thanh N1** bồi thường cho anh **Đặng Hoài N3** giá trị xe mô tô biển số 66VA-198.60 với số tiền 14.166.666 đồng (mười bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo

mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu OPPO A5S, vỏ màu xanh, IMEI 1: 865222048601235, IMEI 2: 865222048601227, gắn các số thuê bao 0346085909 và 0586041277, được niêm phong trong 01 bì thư có đóng dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, có chữ ký, ghi họ tên của Phan Hữu D và Điều tra viên Nguyễn Hữu T8, là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 chìa khóa xe có chữ “HONDA”; 01 phiếu giữ xe số 646234 của Công ty TNHH MTV D2, ngày 04/10, số xe 30133; 01 nón bảo hiểm màu xám có chữ “m&m”; 01 áo sơ mi dài tay sọc ca rô đỏ – vàng – xanh có chữ “BIG MAC”; 01 quần jean lưng màu xanh có chữ “HUBA-JEANS”; 01 đôi dép da màu đen có chữ “aerosoft”; 01 nón kết màu đen có chữ “TRUE RELGION”; 01 túi đeo chéo màu nâu có chữ “MC”; 01 áo khoác màu trắng có chữ “XL” trên cổ áo, tay phải màu xanh, tay trái màu đỏ và 01 khẩu trang vải sọc ca rô đen – trắng, do không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại cho bà Lê Thị T 01 xe mô tô biển số 66N7-6769, nhãn hiệu YAMAHA, số loại MIO, màu trắng nâu, số máy 23C1018535, số khung RLCM23C10AY018535, dung tích xi lanh 113 cm³.

Các vật chứng, tài sản nêu trên hiện do Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Đồng Tháp quản lý.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 03 đĩa DVD có ghi lại diễn biến liên quan đến vụ án.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và quy định có liên quan của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Phan Hữu D và bị cáo Nguyễn Thanh N1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thanh N1 phải chịu 708.0000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ bồi thường 14.166.666 đồng.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 34 và 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 7 – Đồng Tháp;
- CQ CSĐT CA tỉnh Đồng Tháp;
- CQ THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo; bị hại; người đại diện
hợp pháp của bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HSPA, VPTA ^(Nam).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quan Nam